

THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN

1. Tên sáng kiến: *Một số biện pháp giúp học sinh lớp 3 phát triển năng lực giải toán có lời văn theo chương trình GDPT 2018*

2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: môn Toán lớp 3

3. Tác giả:

Họ và tên: Đặng Kiều Vân (Nữ)

Sinh ngày: 13- 12- 1988

Trình độ chuyên môn: Đại học Sư phạm Tiểu học

Chức vụ, đơn vị công tác: Giáo viên - Trường Tiểu học Hoàng Diệu

Điện thoại: 0386604126

4. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến

Trường Tiểu học Hoàng Diệu - Gia Lộc - Hải Dương

5. Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu:

Trường Tiểu học Hoàng Diệu - Gia Lộc - Hải Dương

6. Điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến

- Đối với giáo viên: Giáo viên có chuyên môn vững vàng, nắm vững khả năng tiếp thu của từng đối tượng học sinh để có phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp.

- Đối với học sinh: Cần có ý thức tự giác học tập cao, phát huy trí tưởng tượng và biết liên hệ từ thực tế.

7. Thời gian áp dụng sáng kiến lần đầu: Năm học 2022-2023

8. Cam kết không sao chép hoặc vi phạm bản quyền: Tôi xin cam kết sáng kiến không sao chép hoặc vi phạm bản quyền.

TÁC GIẢ

**XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ
ÁP DỤNG SÁNG KIẾN**

Đặng Kiều Vân

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN	
TÓM TẮT SÁNG KIẾN	
MÔ TẢ SÁNG KIẾN	1
<i>1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến</i>	1
<i>2. Cơ sở lý luận của vấn đề</i>	2
<i>3. Thực trạng của vấn đề</i>	3
3.1. Thực trạng chung của nhà trường	3
3.2. Thực trạng của lớp	4
3.3. Thực trạng của dạy và học	4
3.4. Kết quả khảo sát việc giải toán đầu năm	5
<i>4. Các giải pháp đã sử dụng để giải quyết vấn đề</i>	6
4.1. Hướng dẫn học sinh nắm chắc các bước giải toán có lời văn	6
4.2. củng cố các bước giải thông qua hệ thống bài tập	10
4.3. Hướng dẫn học sinh tự xây dựng một đề toán mới	14
4.4. Khích lệ học sinh tạo hứng thú khi học tập	18
4.5. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng, phụ huynh học sinh để giúp học sinh học giải toán có lời văn tốt hơn.	19
<i>5. Kết quả đạt được</i>	22
<i>6. Điều kiện để sáng kiến được nhân rộng</i>	24
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	25
1. Kết luận	25
2. Khuyến nghị	26
TÀI LIỆU THAM KHẢO	28

TÓM TẮT SÁNG KIẾN

1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến:

Trong chương trình môn Toán ở Tiểu học, giải toán có lời văn giữ một vai trò quan trọng. Thông qua việc giải toán, các em sẽ biết được nhiều khái niệm toán học. Đồng thời còn rèn cho học sinh năng lực tư duy, tính cẩn thận, óc sáng tạo, cách lập luận bài toán trước khi giải, giúp học sinh vận dụng các kiến thức, rèn luyện kỹ năng tính toán, kỹ năng ngôn ngữ. Bên cạnh đó, thông qua việc giải toán của học sinh, giáo viên có thể dễ dàng phát hiện những ưu điểm, thiếu sót của các em về kiến thức, kỹ năng, tư duy để giúp học sinh phát huy những mặt đạt được và khắc phục những mặt thiếu sót.

Chính vì vậy, việc đổi mới phương pháp dạy toán có lời văn ở cấp Tiểu học nói chung và ở lớp ba nói riêng là một việc rất cần thiết mà mỗi giáo viên Tiểu học cần phải nâng cao chất lượng dạy học toán cho học sinh.

Việc dạy giải toán có lời văn có vai trò quan trọng trong chương trình toán Tiểu học, là một công việc hàng ngày của giáo viên và học sinh. Nó sẽ giúp các em phát triển trí thông minh, óc sáng tạo và làm việc một cách khoa học. Bởi vì khi giải toán, học sinh phải biết tập trung chú ý vào bản chất của đề toán, biết phân biệt cái đã cho và cái phải tìm, phải biết phân tích để tìm ra những đường dây liên hệ giữa các số liệu,... Nhờ đó mà đầu óc các em sáng suốt, tinh tế hơn, tư duy của các em sẽ linh hoạt, chính xác hơn. Cách suy nghĩ và làm việc của các em sẽ khoa học hơn. Do đó giải các bài toán có lời văn là cách tốt nhất để rèn luyện đức tính kiên trì, tự lực vượt khó, cẩn thận chu đáo, tính chính xác cho học sinh. Khả năng giáo dục nhiều mặt của môn Toán rất to lớn, nó có khả năng phát triển tư duy logic, phát triển trí tuệ. Nó có vai trò quan trọng trong việc rèn luyện phương pháp suy nghĩ, phương pháp suy luận, phương pháp giải quyết vấn đề có suy luận, có khoa học toàn diện, chính xác, có nhiều tác dụng phát triển trí thông minh, tư duy độc lập sáng tạo, linh hoạt,... góp phần giáo dục tính nhẫn nại, tính vượt khó của học sinh.

Thông qua học toán giúp các em có điều kiện tiếp cận và nắm bắt các môn học, tiếp thu và chiếm lĩnh được tri thức, tự tin trong cuộc sống hàng ngày. Nhằm góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam hiện đại, phát triển toàn diện về mọi mặt Đức - Trí - Thể - Mỹ cho học sinh.

Vậy làm thế nào để học sinh hiểu đề bài, biết cách giải và tìm ra đáp số đúng của bài toán, đó là điều khiến tôi rất trăn trở. Đây là lí do mà tôi chọn đề tài “***Một số biện pháp giúp học sinh lớp 3 phát triển năng lực giải toán có lời văn theo chương trình GDPT 2018***” mong tìm ra những giải pháp nhằm góp phần nâng cao năng lực giải toán có lời văn cho học sinh lớp 3 nói chung và học sinh lớp tôi chủ nhiệm nói riêng. Để các em có thể giải thành thạo những bài toán có lời văn ở lớp 3 và những bài toán có lời văn khác khi học lên các lớp trên.

2. Điều kiện, thời gian, đối tượng áp dụng sáng kiến

- Giáo viên có chuyên môn vững vàng, nắm vững khả năng tiếp thu của từng đối tượng học sinh để có phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp, nhiệt tình, yêu nghề, mến trẻ. Học sinh chịu khó học, tìm tòi kiến thức, tích cực trao đổi trong nhóm, lớp, trao đổi với thầy cô về phương pháp và kĩ năng học, có trí tưởng tượng liên hệ kiến thức với thực tế cuộc sống.

- Thời gian áp dụng sáng kiến: Năm học 2022 - 2023.

- Đối tượng áp dụng sáng kiến: Đề tài mà tôi nghiên cứu đã được nêu nhiều trong các sách về phương pháp giảng dạy Toán, và đã được nhiều giáo viên nghiên cứu viết thành sáng kiến kinh nghiệm. Nhưng với đặc điểm riêng của từng vùng, nhất là đối với lớp tôi đang chủ nhiệm, tôi tiếp tục mạnh dạn nghiên cứu vấn đề này để có thêm một số kinh nghiệm trong việc rèn cho học sinh kĩ năng giải toán có lời văn.

- Đề tài này được áp dụng khi dạy Toán có lời văn lớp Ba. Đối tượng nghiên cứu là ***học sinh lớp 3***.

3. Nội dung của sáng kiến

Giải toán có lời văn trong môn Toán ở bậc Tiểu học có một vị trí rất quan trọng. Hầu hết tất cả các tiết học đều có giải toán có lời văn, ở một số tiết ôn tập

dành riêng cho giải toán. Bốn phép tính cộng, trừ, nhân, chia đều được vận dụng vào giải toán có lời văn.

Việc giải toán có lời văn đã vận dụng lí thuyết vào bài tập thực hành, qua đó HS nắm vững thêm về lí thuyết, hiểu cụ thể về lí thuyết, áp dụng công thức toán học vào bài tập. HS kết hợp được “Học đi đôi với hành”, HS sẽ tiếp nhận được những kiến thức về cuộc sống và có điều kiện để rèn luyện khả năng áp dụng các kiến thức toán học vào cuộc sống.

Thông qua 1 số bài tập giải toán có lời văn, HS củng cố thêm về các phép tính cộng, trừ, nhân, chia; nắm vững hơn về các tính chất của phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia.

Một số bài toán có lời văn có thể giải bằng nhiều cách, HS sẽ tự tìm tòi, phát hiện ra cách giải hay nhất, gọn nhất. Từ đó, các em sẽ phát triển năng lực tư duy, óc sáng tạo (dành cho học sinh giỏi).

Việc giải toán có lời văn giúp HS biết suy luận lôgic, phân tích vấn đề 1 cách thấu đáo. Rèn luyện HS một số kĩ năng thực hành và phát triển năng lực trí tuệ như phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, quan sát, dự đoán, ...

Việc dạy - học giải toán có lời văn đòi hỏi HS phải biết sử dụng thành thạo các dụng cụ học tập: thước, com - pa, ... Từ đó, HS hình thành và phát triển một số phẩm chất như: chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái.

Việc giải các bài toán còn đòi hỏi HS phải biết tự mình xem xét vấn đề, tự mình tìm tòi cách giải quyết vấn đề, tự mình thực hiện các phép tính và tự mình kiểm tra lại các kết quả. Thông qua các thao tác này sẽ rèn luyện các em đức tính kiên trì, tự lực vượt khó, cẩn thận, chính xác, yêu thích sự chặt chẽ, ...

Việc dạy - học giải toán có lời văn còn giúp các em học tốt các môn khác, cụ thể như môn Tiếng Việt. Các em biết dùng từ đặt lời giải hay, ngắn gọn, ...

4. Khẳng định giá trị, kết quả đạt được của sáng kiến:

Gần một năm thực hiện tôi nhận thấy chất lượng bài làm của học sinh tăng lên rõ rệt. Từ chỗ học sinh giải những bài toán đơn giản còn chưa thạo đến

nay đa số các em đã giải được những bài tập nâng cao cùng dạng, các em đều có ý thức làm bài. Điều quan trọng là khả năng phân tích, tổng hợp, khả năng suy luận lôgic của các em đã được nâng lên. Chính vì nhờ phát triển những khả năng tư duy như thế nên các em giải các dạng toán khác cũng nhanh hơn, dễ dàng hơn.

5. Đề xuất, khuyến nghị để thực hiện áp dụng hoặc mở rộng sáng kiến

Đề nghị Ban giám hiệu, Tổ chuyên môn xem xét thảo luận mở rộng chuyên đề cho giáo viên các tổ chuyên môn áp dụng dạy phù hợp với đối tượng học sinh của lớp mình.

MÔ TẢ SÁNG KIẾN

1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến

Mỗi môn học ở tiểu học đều góp phần vào việc hình thành và phát triển những cơ sở ban đầu rất quan trọng ở nhân cách con người. Trong các môn học ở tiểu học cùng với môn Tiếng Việt, môn Toán có vị trí rất quan trọng vì: Các kiến thức, kỹ năng của môn Toán có rất nhiều ứng dụng trong cuộc sống, nó là chìa khoá rất cần thiết để học các môn học khác và học tiếp môn Toán ở các bậc học tiếp theo. Đồng thời môn Toán còn có khả năng như phát triển tư duy logic, những thao tác trí tuệ cần thiết giúp con người trong hoạt động thực tiễn đạt hiệu quả như mong muốn.

Các kiến thức, kỹ năng của môn Toán ở tiểu học được hình thành chủ yếu bằng thực hành, luyện tập và thường xuyên được ôn tập, củng cố, phát triển, vận dụng trong học tập và trong đời sống.

Bước vào năm học mới, sau khi nhận học sinh một vài tuần, các nề nếp đang được ổn định dần, song song tiến hành ôn tập toán, ôn luyện lại kiến thức đã học, nhanh chóng giúp các em củng cố sau hai tháng nghỉ hè.

Qua kiểm tra ôn tập hằng ngày, lớp tôi có một số học sinh chưa thực sự ham học phần toán giải có lời văn, vào tiết học thụ động, lười, ít chú ý môn học. Vì vậy, tôi áp dụng một số biện pháp mà những năm qua tôi thực hiện có kết quả. Trăn trở trước đối tượng học sinh chưa ham học toán có lời văn, các em không chủ động trong học tập mà còn ham chơi làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu học tập của lớp. Trong phương pháp học mới của chương trình GDPT 2018 hiện nay lại coi trọng việc phát huy tính tích cực chủ động của học sinh trong học tập, cần tổ chức nhiều hình thức học tập thu hút học sinh.

Qua thực tế giảng dạy ở các khối lớp, đặc biệt nhiều năm đứng lớp ở khối 3, tôi thấy giải toán có lời văn có vị trí rất quan trọng trong nội dung môn Toán ở trường tiểu học. Vì vậy đây cũng là một vấn đề mà chúng tôi luôn luôn trao đổi, thảo luận trong những buổi sinh hoạt chuyên môn, tích lũy nghiệp vụ do nhà trường tổ chức. Làm thế nào để học sinh hiểu được đề toán, viết được tóm

tất, nêu được câu lời giải hay, phép tính đúng. Điều đó đòi hỏi rất nhiều công sức và sự nỗ lực không biết mệt mỏi của người giáo viên đứng lớp.

Là một giáo viên đã có nhiều năm trực tiếp chủ nhiệm và giảng dạy ở khối lớp 3, qua kinh nghiệm của bản thân và học hỏi, trao đổi kinh nghiệm cùng đồng nghiệp, tôi đã rút ra được: ***“Một số biện pháp giúp học sinh lớp 3 phát triển năng lực giải toán có lời văn theo chương trình GDPT 2018”*** để góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường nói chung và đối với học sinh lớp 3 nói riêng.

2. Cơ sở lý luận của vấn đề

Giải toán có lời văn thực chất là những bài toán thực tế, nội dung bài toán được thông qua những câu văn nói về những mối quan hệ, tương quan và phụ thuộc, có liên quan tới cuộc sống thường xảy ra hàng ngày. Cái khó của bài toán có lời văn chính là ở chỗ làm thế nào để lược bỏ được những yếu tố về lời văn đã che đậy bản chất toán học của bài toán. Hay nói một cách khác là làm sao phải chỉ ra được các mối quan hệ giữa các yếu tố toán học chứa đựng trong bài toán và tìm được những câu lời giải phép tính thích hợp để từ đó tìm được đáp số của bài toán.

Nhưng làm thế nào để học sinh hiểu và giải toán theo yêu cầu của chương trình mới, đó là điều cần phải trao đổi nhiều đối với chúng ta – những người trực tiếp giảng dạy cho các em nhất là việc: *Đặt câu lời giải cho bài toán.*

Ta thấy rằng, giải toán ở tiểu học trước hết là giúp các em luyện tập, vận dụng kiến thức, các thao tác thực hành vào thực tiễn. Qua đó, từng bước giúp học sinh phát triển năng lực tư duy, rèn luyện phương pháp suy luận logic. Thông qua giải toán mà học sinh rèn luyện được phong cách của người lao động mới: Làm việc có ý thức, có kế hoạch, sáng tạo và hăng say, miệt mài trong công việc.

Thực tế qua nhiều năm trực tiếp giảng dạy ở khối lớp 3, tôi nhận thấy học sinh khi giải các bài toán có lời văn thường rất chậm so với các dạng bài tập khác. Các em thường lúng túng khi đặt câu lời giải cho phép tính, có nhiều em làm phép tính chính xác và nhanh chóng nhưng không làm sao tìm được lời giải

đúng hoặc đặt lời giải không phù hợp với đề toán đặt ra. Chính vì thế nhiều khi dạy học sinh đặt câu lời giải còn vấp vả hơn nhiều so với dạy trẻ thực hiện các phép tính ấy để tìm ra đáp số.

Việc đặt lời giải là một khó khăn lớn đối với một số em học sinh. Các em mới chỉ đọc được đề toán chứ chưa hiểu được đề, chưa trả lời các câu hỏi thầy nêu: *Bài toán cho biết gì ?...* Đến khi giải toán thì đặt câu lời giải chưa đúng, chưa hay hoặc không có câu lời giải,... Những nguyên nhân trên không thể đổ lỗi về phía học sinh 100% được mà một phần lớn đó chính là các phương pháp, cách áp dụng, truyền đạt của những người thầy.

Đây cũng là lý do mà tôi chọn đề tài này, với mong muốn tìm ra những giải pháp nhằm góp phần nâng cao năng lực giải toán có lời văn cho học sinh lớp 3 nói riêng và trong môn Toán 3 nói chung. Để từ đó, các em có thể thành thạo hơn với những bài toán có lời văn khó và phức tạp ở các lớp trên.

3. Thực trạng của vấn đề

3.1. Thực trạng chung của nhà trường

a. Thuận lợi

- Nhà trường được sự quan tâm của chính quyền địa phương, của hội phụ huynh học sinh.
- Ban giám hiệu nhà trường năng nổ nhiệt tình, sáng tạo luôn chỉ đạo sát sao việc dạy học của giáo viên và học sinh.
- Đội ngũ giáo viên trong trường luôn nhiệt tình giảng dạy, yêu nghề mến trẻ.
- Về học sinh: nhìn chung các em đều ngoan, có ý thức vươn lên trong học tập.

Bên cạnh những thuận lợi trên nhà trường còn gặp phải không ít khó khăn.

b. Khó khăn

- Là một xã dân cư chủ yếu sống bằng nghề nông, đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, chính điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc học tập cũng như chất lượng học tập của các em.

- Nhiều gia đình đi làm ăn xa gửi con cho ông bà chăm sóc do ông bà đã già yếu nên không quán xuyến được việc học hành của các cháu.

- Do tâm lý chung của học sinh tiểu học còn ham chơi nên việc học hành của các em nếu không có sự giám sát chặt chẽ của gia đình thì khó có hiệu quả cao.

- Về cơ sở vật chất của nhà trường: Tuy nhà trường đã có đủ phòng học nhưng thiết bị dạy và học chưa đủ đáp ứng được việc đổi mới phương pháp dạy học.

- Về đội ngũ giáo viên: Nhà trường có đội ngũ giáo viên nhiệt tình giảng dạy song còn gặp nhiều khó khăn do trình độ giáo viên còn chưa đồng đều.

3.2. Thực trạng của lớp

Năm học 2022- 2023 tôi được phân công giảng dạy lớp 3A.

Lớp 3A do tôi chủ nhiệm và giảng dạy có 34 học sinh, trong đó:

- Con cán bộ công chức: 7 em.

- Con gia đình nông nghiệp: 27 em.

- Nam: 16 em; nữ: 18 em.

- Các em ở rải rác khắp các thôn trong xã, có nhiều học sinh ở xa trường nên việc đi lại của các em gặp rất nhiều khó khăn điều đó cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng học tập của các em.

- Qua thực tế giảng dạy và thảo luận cùng đồng nghiệp, tôi nhận thấy:

- + Việc tóm tắt, tìm hiểu đề đang còn nhiều khó khăn đối với một số học sinh đọc hiểu còn chậm. Vì kĩ năng đọc thành thạo của các em chưa cao, nên các em đọc được đề toán và hiểu đề còn chậm chạp,...

- + Thực tế trong một tiết dạy 35- 40 phút, thời gian dạy kiến thức mới mất nhiều, phần bài tập hầu hết là ở cuối bài nên thời gian để luyện nêu đề, nêu câu trả lời không được nhiều mà học sinh chưa thành thạo việc đọc đề toán.

3.3. Thực trạng của dạy và học

Như chúng ta đã biết giải toán lớp 3 là sự tiếp tục của chương trình lớp 2 nhưng mức độ cao hơn. Đó là loại bài giải: tìm một trong các phần bằng nhau của một số, gấp một số lên nhiều lần, so sánh số lớn gấp mấy lần số bé, so sánh

số bé bằng một phần mấy số lớn, bài toán liên quan đến rút về đơn vị và một số bài toán nội dung hình học... Mức độ yêu cầu giải toán ở lớp 3 cao hơn, đó là ở lớp 2 học sinh đã biết được các bước phải thực hiện khi tìm cách giải bài toán và trình bày bài giải. Toán lớp 3 củng cố lời văn cho mỗi phép tính, đặc biệt là kỹ năng giải toán tổng hợp. Nâng số lượng phép tính để giải bài toán có đến hai bước tính. Học thêm cách tính chu vi, diện tích hình chữ nhật, hình vuông. Ở tiểu học các bài toán giải có vị trí rất quan trọng, kết quả học toán của học sinh cũng được đánh giá trước hết có khả năng giải toán, biết giải thành thạo các dạng toán cũng là tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá trình độ học toán của mỗi học sinh. Nhưng thực tế khi gặp các bài toán có lời văn, học sinh thường lúng túng, không biết định hướng, tìm tòi phương pháp giải mặc dù các em nắm rất vững các kiến thức về phép cộng, trừ, nhân, chia... Khi giải toán có lời văn hầu hết các em chưa nắm rõ dữ kiện và yêu cầu đề toán, chưa biết lựa chọn phép tính và lời giải phù hợp, chưa biết phân tích đề toán để tìm ra mối liên hệ giữa các dữ liệu trong bài toán để giải được bài toán. Chính vì vậy trong quá trình giảng dạy, giáo viên cần dạy học linh hoạt theo hướng tự chủ, phương pháp phù hợp với đối tượng học sinh. Tổ chức dạy học nhẹ nhàng sẽ mang lại hiệu quả, không gò bó áp đặt luôn gây hứng thú cho các em học tập để đạt chuẩn kiến thức kỹ năng.

Trong nhiều năm theo dõi học sinh học môn Toán, đặc biệt là năm nay, tôi trực tiếp theo dõi các em học sinh lớp 3 giải toán nói riêng, tôi thấy các em có một thói quen không tốt đó là: đọc đầu bài qua loa, sau đó giải bài toán ngay, làm xong không cần kiểm tra lại kết quả, cho nên, khi trả bài các em mới biết là mình sai.

3.4. Kết quả khảo sát việc giải toán đầu năm

Tôi đã khảo sát việc giải toán của 34 học sinh lớp 3A và thu được kết quả như sau:

Bài toán: Có 20 lít dầu rót vào các can, mỗi can 4 lít. Hỏi có mấy can dầu?

Sĩ số	Giải thành thạo	Giải chậm	Chưa nắm được cách giải
34 em	16 em = 47,1 %	10 em = 29,4 %	8 em = 23,5 %

Qua khảo sát tôi thấy tỉ lệ học sinh chưa nắm được cách giải còn cao chiếm 23,5 %, học sinh giải thành thạo còn thấp chỉ đạt 41,7 %. Lí do là học sinh viết lời giải còn lủng củng, sai lời giải, sai danh số giữa can dầu và lít dầu. Từ thực trạng trên, để học sinh giải toán có lời văn thành thạo đạt mức cao hơn và không còn học sinh chưa nắm được cách giải, viết lời giải đúng, danh số chính xác và giúp các em học sinh có hứng thú trong học tập, nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường, tôi đã mạnh dạn đổi mới phương pháp giảng dạy và tổ chức các hình thức dạy học phù hợp.

*** Nguyên nhân:**

- Về giáo viên: Còn chủ quan, chưa chú trọng các khâu trong hướng dẫn giải cho học sinh. Chưa khắc sâu và so sánh cho học sinh cách giải của các dạng toán này.

- Về học sinh: Do phần lớn các em còn chủ quan khi làm bài, chưa nhớ kĩ các phương pháp giải dạng toán. Mặt khác, cũng có thể là các em chưa được củng cố rõ nét về các dạng toán nên sự sai đó không tránh khỏi. Mặt khác, đây là các bài toán áp dụng rất thực tế mà các em quên mất phương pháp thử lại nên kết quả đưa ra rất đáng tiếc.

Xuất phát từ tình hình thực tế của những năm học trước, tôi đã mạnh dạn đổi mới phương pháp dạy dạng toán này để dạy ở khối 3 ngay từ đầu năm học 2022-2023. Mục đích chính giúp các em có phương pháp giải toán, làm cho các em biết chủ động thực hiện giải toán không máy móc mà phải dựa vào tư duy, phân tích tổng hợp từ bản thân.

4. Các giải pháp đã sử dụng để giải quyết vấn đề

4.1. Hướng dẫn học sinh nắm chắc các bước giải toán có lời văn

Với kết quả đáng báo động trên, việc tìm một số giải pháp nâng cao hiệu quả giải toán có lời văn là rất cần thiết. Được sự giúp đỡ của Ban giám hiệu nhà trường cùng với những kinh nghiệm rút ra trong quá trình dạy học tôi đã tiến hành giảng dạy và hướng dẫn học sinh giải toán thông qua các trình tự sau:

- Đọc và nghiên cứu kĩ đề bài.
- Phân tích và nhận dạng bài toán.

- Tìm phương pháp giải.
- Tóm tắt bằng phương pháp thích hợp.
- Thiết lập trình tự và thực hiện bước tính.

Để giúp cho học sinh có kỹ năng thành thạo trong việc giải toán thì chúng ta không chỉ hướng dẫn học sinh trong giờ toán mà còn một yếu tố không kém phần quan trọng đó là luyện kỹ năng nói trong giờ Tiếng Việt.

Chúng ta đã biết học sinh lớp 3, đặc biệt là một số em việc học tập chưa hoàn thành, rụt rè trong giao tiếp. Chính vì vậy, để các em mạnh dạn tự tin khi phát biểu, trả lời người giáo viên cần phải luôn luôn gần gũi, khuyến khích các em giao tiếp, tổ chức các trò chơi học tập, được trao đổi, luyện nói nhiều trong các giờ Tiếng Việt giúp các em có vốn từ lưu thông; trong các tiết học các em có thể nhận xét và trả lời tự nhiên, nhanh nhẹn mà không rụt rè, tự ti. Bên cạnh đó, người giáo viên cần phải chú ý nhiều đến kỹ năng đọc cho học sinh: Đọc nhanh, đúng, tốc độ, ngắt nghỉ đúng chỗ giúp học sinh có kỹ năng nghe, hiểu được những yêu cầu mà các bài tập đề ra.

Qua thực tế giảng dạy tôi thấy khả năng suy luận của học sinh còn kém. Học sinh chưa có kỹ năng phân tích, tổng hợp trước một đề toán. Khả năng chuyển bài toán hợp về các bài toán đơn còn yếu. Khi giải toán các em chưa tập hợp được kiến thức, nhiều em lúng túng kể cả một số em có lực học khá. Điều đáng chú ý ở đây là cách đặt lời giải cho phép tính, rất nhiều em chưa biết cách đặt lời giải hoặc lời giải đặt chưa hợp lý. Do các em không được uốn nắn, luyện tập nhiều trong quá trình học.

Như vậy nguyên nhân cơ bản dẫn đến các em không làm được bài là: Năng lực tư duy của các em phát triển không đồng đều, khả năng suy luận còn rất kém. Mặc dù giáo viên đã hướng dẫn các em nêu đề toán, tìm hiểu đề và gợi ý nêu miệng lời giải nhưng cách trình bày, sự trau chuốt lời giải của các em chưa được thành thạo. Hiểu được những thiếu sót đó của các em, ở những tiết toán có bài toán giải tôi thường dành nhiều thời gian hơn để hướng dẫn kỹ và kết hợp trình bày mẫu nhiều bài giúp các em ghi nhớ và hình thành kỹ năng.

Ví dụ: Bài 4b trang 10 sách Kết nối tri thức với cuộc sống lớp 3 tập 1.

“Ở một trường học, khối lớp Ba có 142 học sinh, khối lớp Bốn có ít hơn khối lớp Ba 18 học sinh. Hỏi cả hai khối lớp có bao nhiêu học sinh?”

Bài 2

ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 1 000



- 4** Ở một trường học, khối lớp Ba có 142 học sinh, khối lớp Bốn có ít hơn khối lớp Ba 18 học sinh. Hỏi:
- Khối lớp Bốn có bao nhiêu học sinh?
 - Cả hai khối lớp có bao nhiêu học sinh?

10

- Yêu cầu học sinh tập nêu bằng lời để tóm tắt bài toán:

Khối lớp 3 có : 142 học sinh.

Khối lớp 4 có: ít hơn 18 học sinh.

Hỏi cả hai khối lớp: ... học sinh?

- Tôi tiếp tục hướng dẫn học sinh tìm lời giải:

+ Nhìn vào đề bài ta thấy muốn tìm số học sinh ở cả hai khối lớp trước hết ta phải tính gì?

(Tính số học sinh khối lớp 4).

Yêu cầu học sinh nêu miệng lời giải:

Khối lớp 4 có số học sinh là:

Học sinh nêu miệng phép tính: $142 - 18 = 124$ (học sinh)

Yêu cầu học sinh nêu miệng tiếp lời giải và phép tính thứ hai:

Cả hai khối lớp có số học sinh là:

$142 + 124 = 266$ (học sinh)

Tuy nhiên ở phép tính thứ hai, tôi thấy có một số em thực hiện tìm số học sinh cả hai khối lớp bằng cách lấy $142 + 18 = 160$ (học sinh).

Đối với những em này, tôi nhận thấy các em có khả năng tư duy chưa tốt, còn chưa nắm vững yêu cầu bài toán. Đây là những trường hợp nằm trong nhóm đối tượng học sinh yếu. Tôi phải hướng dẫn các em hiểu rõ:

Muốn tìm số học sinh cả hai khối lớp ta phải làm gì? để các em nêu được: Lấy số học sinh khối lớp 3 + số học sinh khối lớp 4 và giúp cho các em thấy được số học sinh ở khối lớp 3 là 142 và số học sinh ở khối lớp 4 là 124.

Ở dạng bài này, giáo viên cũng cần cho học sinh luyện nêu miệng đề toán và tập tóm tắt đề toán bằng sơ đồ đoạn thẳng nhiều lần để các em ghi nhớ một bài toán.

Ví dụ: Bài tập 4 (trang 40 - Sách Kết nối tri thức với cuộc sống tập 2)

Trong một trận bóng đá, số khán giả ở khán đài A là 4 625 người. Số khán giả ở khán đài B nhiều hơn số khán giả ở khán đài A là 438 người. Hỏi số khán giả ở cả hai khán đài là bao nhiêu người?

Tôi cho học sinh đọc thầm, hỏi – đáp cặp đôi phân tích yêu cầu đề toán: Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? Bạn giải bài toán này bằng mấy phép tính? Đó là phép tính gì?

Học sinh: Khán đài A có 4 625 người. Khán đài B có số khán giả nhiều hơn khán đài A là 438 người. Hỏi số khán giả ở cả hai khán đài là bao nhiêu người?

Sau đó cho các em luyện cách trả lời miệng:

Khán đài B có số người là: $4\,625 + 438 = 5\,063$ (người)

Cả hai khán đài có số người là: $4\,625 + 5\,063 = 9\,688$ (người)

Rồi tự trình bày bài giải:

Bài giải

Khán đài B có số người là:

$$4\,625 + 438 = 5\,063 \text{ (người)}$$

Cả hai khán đài có số người là:

$$4\,625 + 5\,063 = 9\,688 \text{ (người)}$$

Đáp số: 9688 người.

4.2. Củng cố các bước giải thông qua hệ thống bài tập

Chương trình Toán lớp 3 mới, đề toán thường được cho dưới các dạng sau:

+ Một tàu chở 7 863 thùng hàng. Người ta dỡ xuống một số thùng hàng thì số thùng hàng còn lại bằng số thùng hàng ban đầu giảm đi 3 lần. Hỏi trên tàu còn lại bao nhiêu thùng hàng? (*Bài tập 2 tr 55 sách Kết nối tri thức tập 2*).

- 2** Một tàu chở 7 863 thùng hàng. Người ta dỡ xuống một số thùng hàng thì số thùng hàng còn lại bằng số thùng hàng ban đầu giảm đi 3 lần. Hỏi trên tàu còn lại bao nhiêu thùng hàng?

+ Rô-bốt có 30 đồng vàng. Khi đi qua mỗi ngã rẽ (như hình vẽ), số đồng vàng của Rô-bốt sẽ thay đổi theo phép tính ghi ở con đường Rô-bốt sẽ đi qua. Tìm đường đi để Rô-bốt có 40 đồng vàng. (*Bài tập 2 trang 80 sách Kết nối tri thức tập 1*)

- 2** Rô-bốt có 30 đồng vàng. Khi đi qua mỗi ngã rẽ (như hình vẽ), số đồng vàng của Rô-bốt sẽ thay đổi theo phép tính ghi ở con đường Rô-bốt sẽ đi qua. Tìm đường đi để Rô-bốt có 40 đồng vàng.



Nhưng dù ở hình thức nào, dạng nào tôi cũng tập trung luyện cho học sinh các kĩ năng: *Tìm hiểu nội dung bài toán, tìm cách giải bài toán và kỹ năng trình bày bài giải*, được tiến hành cụ thể qua các bước sau:

Bước 1: Tìm hiểu nội dung bài toán

Cần cho học sinh đọc kĩ đề toán giúp học sinh hiểu chắc chắn một số từ khóa quan trọng nói lên những tình huống toán học bị che lấp dưới cái vỏ ngôn từ thông thường như: “gấp đôi”, “ $\frac{1}{3}$, $\frac{1}{4}$ ”, “tất cả”...

$$\frac{1}{3}, \frac{1}{4}$$

Nếu trong bài toán có từ nào mà học sinh chưa hiểu rõ thì giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh hiểu được ý nghĩa và nội dung của từ đó ở trong bài toán đang làm, sau đó giúp học sinh tóm tắt đề toán bằng cách đặt câu hỏi đàm thoại: “ *Bài toán cho gì? Bài toán hỏi gì?* ” và dựa vào tóm tắt để nêu đề toán...

Đối với những học sinh kĩ năng đọc hiểu còn chậm, tôi dùng phương pháp giảng giải kèm theo các đồ vật, tranh minh họa để các em tìm hiểu, nhận xét nội dung, yêu cầu của đề toán. Qua đó học sinh hiểu được yêu cầu của bài toán và dựa vào câu hỏi của bài, các em nêu miệng câu lời giải, phép tính, đáp số của bài toán rồi cho các em tự trình bày bài giải vào vở bài tập.

Bước 2: Tìm cách giải bài toán

a. Chọn phép tính giải thích hợp:

Sau khi hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề toán để xác định cái đã cho và cái phải tìm cần giúp học sinh lựa chọn phép tính thích hợp: Chọn “ phép chia ” nếu bài toán yêu cầu “ tìm $\frac{1}{3}$, $\frac{1}{4}$... ”. Chọn “ tính trừ ” nếu “ bớt ” hoặc “ tìm phần còn

lại ” hay là “ lấy ra ”. Chọn “ phép nhân ” nếu “ gấp đôi, gấp 3 ” ...

Ví dụ: Nam có 42 nhãn vở. Sau khi cho các bạn một số nhãn vở, số nhãn vở còn lại của Nam so với lúc đầu giảm đi 3 lần. Hỏi Nam còn lại bao nhiêu nhãn vở ? (*Bài tập 2 trang 79 sách Kết nối tri thức với cuộc sống tập 1*).

Để giải được bài toán này, học sinh cần phải tìm được mối liên hệ giữa cái đã cho và cái phải tìm. Hướng dẫn học sinh suy nghĩ giải toán thông qua các câu hỏi gợi ý như:

- + Bài toán cho biết gì? (*Nam có 42 nhãn vở.*)
- + Bài toán còn cho biết gì nữa? (*số nhãn vở còn lại của Nam so với lúc đầu giảm đi 3 lần*)
- + Bài toán hỏi gì? (*Nam còn lại bao nhiêu nhãn vở?*)
- + Muốn biết Nam còn lại bao nhiêu nhãn vở nữa trước hết phải tìm gì trước? Nêu cách tìm? (*Tìm số nhãn vở đã cho: $42 : 3$*)
- + Sau khi tìm được số nhãn vở đã cho bạn ta tiếp tục tìm gì? (*Tìm số nhãn vở còn lại*)

+ Nêu cách tìm? (*Lấy tổng số nhãn có ban đầu trừ đi số nhãn vở đã cho*).

b. Đặt câu lời giải thích hợp.

Thực tế giảng dạy cho thấy việc đặt câu lời giải phù hợp là bước vô cùng quan trọng và khó khăn nhất đối với một số học sinh trung bình, yếu lớp 3. Chính vì vậy việc hướng dẫn học sinh lựa chọn và đặt câu lời giải hay cũng là một khó khăn lớn đối với người dạy. Tùy từng đối tượng học sinh mà tôi lựa chọn các cách hướng dẫn sau:

- Cách 1: (Được áp dụng nhiều nhất và dễ hiểu nhất): Dựa vào câu hỏi của bài toán rồi bỏ bớt từ đầu “hỏi” và từ cuối “mấy” rồi thêm từ “là” để có câu lời giải: “Vườn nhà Hoa có số cây cam là:” (*Đối với bài toán đơn*)

- Cách 2: Nêu miệng câu hỏi: “*Muốn biết Nam còn lại bao nhiêu nhãn vở nữa trước hết phải tìm gì trước?*” Để học sinh trả lời miệng: “*Tìm số nhãn vở Nam đã cho*” rồi chèn phép tính vào để có cả bước giải (*gồm câu hỏi, câu lời giải và phép tính*):

Số nhãn vở Nam đã cho bạn là:

$$42 : 3 = 14 \text{ (nhãn vở)}$$

Số nhãn vở Nam còn lại là:

$$42 - 14 = 28 \text{ (nhãn vở)}$$

Đáp số: 28 nhãn vở.

Tóm lại: Tùy từng đối tượng, từng trình độ học sinh mà hướng dẫn các em cách lựa chọn, đặt câu lời giải cho phù hợp. Trong một bài toán, học sinh có thể có nhiều cách đặt khác nhau như 2 cách trên.

Song trong khi giảng dạy, ở mỗi một dạng bài cụ thể tôi đưa cho các em suy nghĩ, thảo luận theo bàn, nhóm để tìm ra các câu lời giải đúng và hay nhất phù hợp với câu hỏi của bài toán đó.

Tuy nhiên cần hướng dẫn học sinh lựa chọn cách hay nhất (*ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với các em*) còn các cách kia giáo viên đều công nhận là đúng và phù hợp nhưng cần lựa chọn để có câu lời giải là hay nhất để ghi vào bài giải.

Bước 3: Trình bày bài giải

Như chúng ta đã biết, các dạng toán có lời văn học sinh đã phải tự viết câu lời giải, phép tính, đáp số, thậm chí cả tóm tắt nữa.

Chính vì vậy, việc hướng dẫn học sinh trình bày bài giải sao cho khoa học, đẹp mắt cũng là yêu cầu lớn trong quá trình dạy học. Muốn thực hiện yêu cầu này trước tiên người dạy cần tuân thủ cách trình bày bài giải theo hướng dẫn, quy định.

- Đầu tiên là tên bài (*Viết sát lề bên trái có gạch chân*), tiếp đó ghi tóm tắt, sau phần tóm tắt là trình bày bài giải. Từ: “Bài giải” ghi ở giữa trang vở (*có gạch chân*), câu lời giải ghi cách lề khoảng 2 -> 3 ô vuông, chữ ở đầu câu viết hoa, ở cuối câu có dấu hai chấm (:), phép tính viết lùi vào so với lời giải khoảng 2 -> 3 chữ, cuối phép tính là đơn vị tính được viết trong dấu ngoặc đơn. Phần đáp số ghi sang phần vở bên phải (*có gạch chân*) và dấu hai chấm rồi mới viết kết quả và đơn vị tính (*không phải viết dấu ngoặc đơn nữa*).

* Lưu ý: Trong mọi trường hợp người giáo viên luôn luôn phải dùng thước để gạch chân và liên tục nhắc học sinh tạo cho các em bỏ thói quen xấu: gạch bằng tay.

Song song với việc hướng dẫn các bước thực hiện, tôi thường xuyên trình bày bài mẫu trên bảng và yêu cầu học sinh quan sát, nhận xét về cách trình bày để từ đó học sinh quen nhiều với cách trình bày. Bên cạnh đó, tôi còn thường xuyên chấm bài và sửa lỗi và nhận xét cho những học sinh trình bày chưa đẹp; tuyên dương trước lớp những học sinh làm đúng, trình bày sạch đẹp, cho các em đó lên bảng trình bày lại bài làm của mình để các bạn cùng học tập...

Bên cạnh việc hướng dẫn cách trình bày như trên, tôi cũng luôn luôn nhắc nhở, rèn luyện cho học sinh kỹ năng viết chữ, viết số đúng mẫu, đẹp. Việc kết hợp giữa chữ viết đẹp và cách trình bày đúng cũng là một yếu tố góp phần tạo nên sự thành công trong vấn đề giải toán có lời văn của các em.

Cùng với việc áp dụng các biện pháp ngay từ đầu năm học và áp dụng trực tiếp các biện pháp vào bài dạy đầu tiên về giải toán có lời văn, tôi đã cho học sinh làm một số dạng bài tập giải toán có lời văn như sau:

Ví dụ 1: Một thùng đựng 27l mật ong, lấy ra $\frac{1}{3}$ số lít mật ong đó. Hỏi

trong thùng còn lại bao nhiêu lít mật ong?

Không cần hướng dẫn, học sinh lớp tôi thực hiện được ngay cách làm như sau:

Tóm tắt	Bài giải
Có : 27l.	Số lít mật ong được lấy ra
là:	
Lấy ra: $\frac{1}{3}$ số lít mật ong.	$27 : 3 = 9 (l)$
Còn lại: ? lít mật ong.	Trong thùng còn lại số lít mật ong là:
	$27 - 9 = 18 (l)$
	<u>Đáp số:</u> 18 lít mật ong.

Ví dụ 2: Một bến xe có 45 ô tô. Lúc đầu có 18 ô tô rời bến, sau đó có thêm 17 ô tô nữa rời bến. Hỏi bến xe đó còn lại bao nhiêu ô tô?

Học sinh lớp tôi thực hiện như sau:

<u>Tóm tắt</u>	<u>Bài giải</u>
Có: 45 ô tô.	Số ô tô rời bến là:
Rời bến: 18 ô tô.	$18 + 17 = 35 (ô\ tô)$
Rời tiếp: 17 ô tô.	Số ô tô còn lại trong bến là:
Còn lại: ... ? ô tô.	$45 - 35 = 10 (ô\ tô)$
	<u>Đáp số:</u> 10 ô tô.

Tiếp tục tiến hành kiểm tra nhiều kĩ năng giải toán của học sinh với nhiều dạng bài khác nhau, tổng hợp kết quả chấm chữa bài cho học sinh tôi thu được kết quả sau:

- Số bài hoàn thành 30 bài.
- Số bài chưa hoàn thành 4 bài

4.3. Hướng dẫn học sinh tự xây dựng một đề toán mới

Việc cho học sinh tự xây dựng đề toán vừa giúp các em phát triển tư duy, độc lập, vừa giúp phát triển tính năng sáng tạo của tư duy. Đây là biện pháp gây chú ý và hứng thú học tập giúp các em hiểu rõ cấu trúc, cách ghi nhớ từng dạng

bài, đi sâu tìm hiểu thực tế và phát triển ngôn ngữ thông qua việc tự nêu và giải quyết vấn đề, phát huy tính tích cực, vai trò trung tâm của các em trong quá trình dạy học. Có nhiều cách để giúp học sinh tự xây dựng một đề toán, giáo viên cần nêu vấn đề, yêu cầu, định hướng từ thấp đến cao, từ dễ đến khó.

Trước khi cho học sinh xây dựng được đề toán thì giáo viên cần phân loại đối tượng học sinh thành 3 nhóm theo trình độ của học sinh:

Nhóm 1: Giải thành thạo (gồm 16 em)

Nhóm 2: Giải chậm (gồm 10 em)

Nhóm 3: Chưa nắm được cách giải (gồm 8 em)

Sau khi phân loại đối tượng học sinh xong tôi hướng dẫn cho các em tham khảo các bài toán do giáo viên đưa ra hoặc các em có thể tìm hiểu trong sách Toán 3, Tạp chí, Toán tuổi thơ, trên mạng Internet,...

**** Nhóm 1: Với mức độ cao hơn các em tự đặt một đề toán tương tự rồi giải.***

Với nhóm này sau khi học bài về cách tính chu vi hình chữ nhật thì giáo viên đưa bài toán sau:

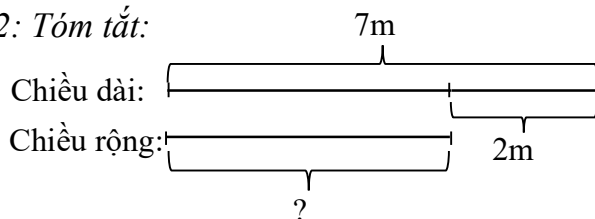
Bài toán: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 7m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài 2m. Tính chu vi thửa ruộng?

- *Bước 1: Đọc kĩ đề , tìm hiểu đề.*

? Bài toán cho biết gì? (Thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 7m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài 2m.)

? Bài toán hỏi gì? (Tính chu vi thửa ruộng)

- *Bước 2: Tóm tắt:*



Chu vi : ... m ?

- *Bước 3: Hướng dẫn giải:*

? Muốn tìm chu vi HCN ta làm thế nào? (Lấy số đo chiều dài cộng với số đo chiều rộng cùng đơn vị đo rồi nhân với 2)

? Số đo nào đã biết, số đo nào chưa biết? (Số đo chiều dài đã biết, số đo chiều rộng chưa biết.

? Vậy muốn tính chu vi thửa ruộng, ta phải tìm số đo nào? (Tìm số đo chiều rộng)

? Muốn tìm số đo chiều rộng ta làm thế nào? (Lấy số đo chiều dài bớt đi 2 tức là $7 - 2 = 5\text{m}$)

Khi tìm được số đo chiều rộng em áp dụng công thức để tính chu vi của thửa ruộng.

- *Bước 4: Trình bày bài giải:*

Bài giải:

Số đo chiều rộng thửa ruộng là:

$$7 - 5 = 2 \text{ (m)}$$

Chu vi thửa ruộng là:

$$(7 + 5) \times 2 = 24 \text{ (m)}$$

Đáp số: 24m

Yêu cầu học sinh đặt một số đề toán tương tự rồi giải.

Ví dụ: Một hình chữ nhật có chiều dài 75cm, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính chu vi hình chữ nhật đó.

*** Nhóm 2: Học sinh tự đặt câu hỏi cho bài toán liên quan đến rút về đơn vị rồi giải.**

Sau khi học xong dạng toán liên quan đến rút về đơn vị thì giáo viên đưa một bài toán hướng dẫn học sinh làm. Từ đó học sinh có thể tự đặt câu hỏi cho dạng toán này rồi giải.

Bài toán: Có 35 lít dầu chia đều vào 7 can. Hỏi 3 can có mấy lít dầu?

- *Bước 1: Giáo viên yêu cầu học sinh đọc kĩ đầu bài*

- *Bước 2: Yêu cầu học sinh nêu tóm tắt bài toán*

7 can : 35 lít

3 can : lít?

- *Bước 3: Hướng dẫn học sinh phân tích bài toán*

+ Muốn tính được số lít dầu có trong 3 can ta phải biết gì? (1 can chứa được bao nhiêu lít dầu)

+Làm thế nào để tìm được số lít dầu có trong 1 can? (Lấy số lít dầu của 7 can chia cho 7).

+ Yêu cầu học sinh nhắm ngay 1 can: ... l?

+ Yêu cầu học sinh nêu cách tính 3 can khi đã biết 1 can.

(Lấy số lít mật ong có trong 1 can nhân với 3).

- *Bước 4: Giải bài toán*

Bài giải

Số lít dầu có trong mỗi can là:

$$35 : 7 = 5 \text{ (l)}$$

Số lít mật ong có trong 2 can là:

$$5 \times 3 = 15 \text{ (l)}$$

Đáp số: 15l dầu.

- Yêu cầu học sinh nêu bước nào là bước rút về đơn vị: Bước tìm số lít dầu trong 1 can gọi là bước rút về đơn vị.

- *Hướng dẫn học sinh củng cố dạng toán – kiểu bài 1:* Các bài toán có liên quan đến rút về đơn vị thường được giải bằng 2 bước:

+ Bước 1: Tìm giá trị một đơn vị (giá trị một phần trong các phần bằng nhau) . Thực hiện phép chia.

+ Bước 2: Tìm giá trị của nhiều đơn vị cùng loại(giá trị của nhiều phần bằng nhau). Thực hiện phép nhân.

- *Hướng dẫn học sinh làm bài tập áp dụng.*

Giáo viên nêu miệng bài toán, ghi tóm tắt lên bảng, học sinh nêu kết quả và giải thích cách làm.

Khi giáo viên hướng dẫn xong dạng toán này thì có thể đặt câu hỏi cho đề toán sau:

Ví dụ: Một đội công nhân sửa được 312m đường trong 3 ngày. Hỏi trong 5 ngày đội công nhân đó sửa được bao nhiêu mét đường?

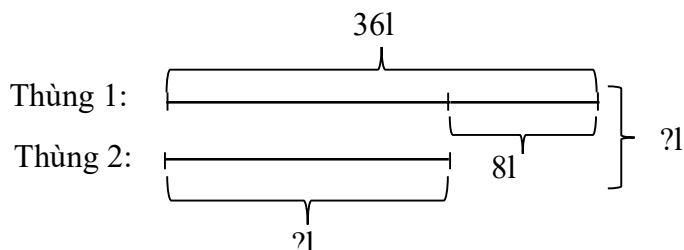
*** Nhóm 3: Học sinh tìm số liệu rồi giải**

Với nhóm này thì giáo viên đưa ra bài toán sau:

Bài toán: Thùng thứ nhất đựng 36l dầu, thùng thứ hai đựng ít hơn thùng thứ nhất 8l dầu. Hỏi cả hai thùng đựng bao nhiêu lít dầu?

Bước 1: Giáo viên yêu cầu học sinh đọc kĩ đầu bài

Bước 2: Yêu cầu học sinh nêu tóm tắt bài toán



Bước 3: Hướng dẫn học sinh phân tích đề toán tìm cách giải

Bước 4: Trình bày bài giải

Ví dụ: Đội Một trồng được 120 cây, đội Hai trồng được nhiều hơn đội Một 48 cây. Hỏi cả hai đội trồng được bao nhiêu cây?

Được sự hướng dẫn của giáo viên học sinh đã tự xây dựng được đề toán mới sát với yêu cầu của từng nhóm đối tượng. Không những thế, các em còn làm được bài giải có lời văn, phép tính chính xác. Vì vậy các em học sôi nổi hơn, thích thú hơn với những bài giải có lời văn và không còn ngại như trước nữa.

4.4. Khích lệ học sinh tạo hứng thú khi học tập

Đặc điểm chung của học sinh tiểu học là thích được khen hơn chê, hạn chế chê các em trong học tập, rèn luyện. Tuy nhiên, nếu ta không biết kết hợp tâm lý từng học sinh mà cứ quá khen sẽ không có tác dụng kích thích. Đối với những em chậm tiến bộ, thường rụt rè, tự ti, vì vậy tôi luôn luôn chú ý nhắc nhở, gọi các em trả lời hoặc lên bảng làm bài. Chỉ cần các em có một “*tiến bộ nhỏ*” là tôi tuyên dương ngay, để từ đó các em sẽ cố gắng tiến bộ và mạnh dạn, tự tin hơn. Đối với những em học tốt hơn phải có những biểu hiện vượt bậc, có tiến bộ rõ rệt tôi mới khen. Chính sự khen và khuyến khích đúng lúc, kịp thời và đúng đối tượng học sinh trong lớp đã có tác dụng khích lệ học sinh trong học tập.

Để khích lệ học tạo hứng thú học tập, tôi tổ chức nhiều hình thức phong phú để cho học sinh có nhiều cơ hội được khen mà làm bài cũng tốt hơn. Ngoài khen cá nhân thì tôi còn khen tập thể (có thể là nhóm) bằng cách tổ chức học tập theo

nhóm với hình thức kê bàn ghế theo từng nhóm học sinh để các em có thể bàn luận những bài giải khó và đưa ra cách giải tốt nhất.

Ngoài ra, việc vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực: như kỹ thuật “khăn trải bàn”, kỹ thuật “ổ bi”, kỹ thuật “bể cá”,..., áp dụng “học thông qua chơi”, áp dụng các trò chơi học tập giữa các tiết học cũng là một yếu tố không kém phần quan trọng giúp học sinh có niềm hăng say trong học tập, mong muốn nhanh đến giờ học và tiếp thu kiến thức nhanh hơn, chắc hơn. Vì chúng ta đều biết học sinh tiểu học nói chung, học sinh lớp 3 nói riêng có trí thông minh khá nhạy bén, sắc sảo, có óc tưởng tượng phong phú. Đó là tiền đề tốt cho việc phát triển tư duy toán học nhưng các em cũng rất dễ bị phân tán, rối trí nếu bị áp đặt, căng thẳng hay quá tải. Hơn nữa cơ thể của các em còn đang trong thời kì phát triển hay nói cụ thể hơn là các hệ cơ quan còn chưa hoàn thiện vì thể sức dẻo dai của cơ thể còn thấp nên trẻ không thể ngồi lâu trong giờ học cũng như làm một việc gì đó trong một thời gian dài. Vì vậy muốn giờ học có hiệu quả thì đòi hỏi người giáo viên phải đổi mới phương pháp dạy học tức là kiểu dạy học : “Lấy học sinh làm trung tâm”, hướng tập trung vào học sinh, trên cơ sở hoạt động của các em. Trong mỗi tiết học, tôi thường dành khoảng 2- 3 phút để cho các em nghỉ giải lao tại chỗ bằng cách chơi các trò chơi học tập vừa giúp các em thoải mái sau giờ học căng thẳng, vừa giúp các em có phản ứng nhanh nhẹn, ghi nhớ một số nội dung bài đã học...

Tóm lại: Trong quá trình dạy học người giáo viên không chỉ chú ý đến rèn luyện kỹ năng học toán, truyền đạt kiến thức cho học sinh mà còn phải quan tâm chú ý đến việc khuyến khích học sinh tạo hứng thú trong học tập.

4.5. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng, phụ huynh học sinh để giúp học sinh học giải toán có lời văn tốt hơn

Hình thành nhân cách cho học sinh là quá trình tổ chức hoạt động có mục đích có kế hoạch đến các mặt nhận thức, tình cảm và hành động ý chí của các em. Hiệu quả của quá trình tổ chức này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó việc phối hợp với các bậc cha mẹ và thân nhân của gia đình học sinh là yếu tố

cần được coi trọng. Bởi vì, gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Đảm bảo sợi dây liên kết gắn bó giữa nhà trường với gia đình là một đảm bảo cho việc thực hiện tính liên tục và đồng bộ trong tổ chức hoạt động giáo dục, vừa là sự bù đắp những tác động giáo dục mà trong điều kiện của nhà trường khó có thể làm được.

Để có mối liên hệ gắn bó, mật thiết với phụ huynh học sinh, tôi đã mạnh dạn đưa ra việc sau:

- Liên lạc với phụ huynh ngay khi năm học bắt đầu, có nghĩa là khi tiếp nhận danh sách học sinh của lớp là tiếp nhận luôn danh sách cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng học sinh.

- Có thể hình thành một bộ phận hồ sơ gửi cho mỗi phụ huynh học sinh để có thông tin như:

- + Tên họ, nghề nghiệp cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng.

- + Địa chỉ gia đình.

- + Số điện thoại để liên lạc khi cần thiết.

- + Những đặc điểm cần chú ý khi giáo dục con em của mình mà gia đình thấy cần thiết đề nghị với GVCN.

- + Có thể ghi chú thêm thời gian hay cách tốt nhất để liên lạc giữa GV với gia đình khi cần thiết.

- Lập một danh sách số điện thoại chung của các gia đình HS gửi cho tất cả các GV của lớp.

- Chuẩn bị đưa ra một danh sách những đồ dùng, những sách vở và dụng cụ cần thiết mà các em phải mang theo vào mỗi ngày đến lớp.

Ngoài ra để giúp cho phụ huynh có biện pháp phù hợp trong việc giáo dục con cái, tôi đã mạnh dạn trao đổi với phụ huynh học sinh về chỉ tiêu phấn đấu của lớp, cách hướng dẫn các em tự học ở nhà. Rất mừng là đa số phụ huynh đều nhiệt liệt hoan nghênh biện pháp trên vì lâu nay các phụ huynh còn đang vương mắc nhiều về cách dạy học cho các em; nhiều gia đình người mẹ bận việc mà người bố ngại hướng dẫn con nên việc học của con cái chưa được tập trung chú

ý. Riêng trong phần bài tập của sách Toán, tôi hướng dẫn phụ huynh cách dạy các em luyện nêu miệng các đề toán, luyện nói và trả lời nhiều...

Ngoài việc trao đổi với phụ huynh qua cuộc họp phụ huynh đầu năm tôi còn trao đổi với phụ huynh qua tin nhắn zalo thường xuyên để phụ huynh nắm bắt được việc học tập của con em mình nhất là qua mỗi dạng toán giải mà học sinh còn lúng túng, vướng mắc khi giải.

Tuy nhiên, cuộc họp phụ huynh lần này vẫn còn một số gia đình vắng mặt do có việc đột xuất, do chưa thấy hết được tầm quan trọng của việc học, và do điều kiện gia đình còn nhiều khó khăn nên phó mặc việc học của con cái cho giáo viên, cho nhà trường. Đối với những phụ huynh vắng mặt này, tôi tìm cách gặp gỡ, trao đổi tại nhà. Các gia đình này phần lớn trình độ văn hoá của bố mẹ không có, thậm chí họ không biết cách dạy con như thế nào nữa mà chỉ biết nhắc nhở con: “Học bài đi” rồi con học gì, làm gì ở bàn học bố mẹ cũng không hay...Đối với những em này, tôi phải hướng dẫn nhiều hơn ở lớp để về nhà các em tự học.

Các giáo viên bộ môn giảng dạy tại lớp chủ nhiệm ở tiểu học có số thời gian làm việc tiếp xúc với học sinh không nhiều, nhưng vẫn có điều kiện hiểu biết năng lực, sở trường của mỗi học sinh đối với hoạt động chủ đạo của các em - hoạt động học tập. Vì thế việc phối hợp chặt chẽ GVCN với giáo viên bộ môn trong công tác chủ nhiệm sẽ giúp cho GVCN nắm bắt tình hình học sinh thường xuyên, liên tục, cụ thể để từ đó có những tác động cần thiết tới đối tượng giáo dục, vừa góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả giảng dạy, vừa đảm bảo tính đồng bộ khách quan, thực tiễn và cá biệt trong khi triển khai kế hoạch chủ nhiệm và đánh giá kết quả phấn đấu rèn luyện của học sinh. Việc phối hợp GVCN với giáo viên bộ môn được thực hiện thông qua những công việc sau:

- Nắm bắt số lượng cụ thể giáo viên bộ môn dạy lớp chủ nhiệm, lịch trình giảng dạy của mỗi người trong năm học.

- Có hiểu biết cơ bản về tính cách năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, vai trò và vị thế của mỗi người giáo viên trong trường, hoàn cảnh sống của họ.

- Liên hệ mật thiết với giáo viên bộ môn để nắm bắt được tình hình học tập của mỗi học sinh đối với bộ môn họ giảng dạy về thái độ, trình độ nhận thức, kết quả học tập. Nhờ những thông tin do giáo viên bộ môn cung cấp, GVCN có thể có được một bức tranh cụ thể, rõ nét hơn về mỗi học sinh, từ đó có được cách thức tác động, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với đặc điểm phát triển nhân cách của đối tượng giáo dục.

- Thông báo cho giáo viên bộ môn tình hình phân đầu rèn luyện, những mặt mạnh và mặt yếu của tập thể lớp, những học sinh có năng lực học tập tốt, những học sinh có năng lực học tập yếu kém, những học sinh có phẩm chất đạo đức cần phải lưu tâm, uốn nắn.

- Phối hợp với giáo viên bộ môn tổ chức các hoạt động ngoại khóa phục vụ hoạt động dạy học, đồng thời tạo cơ hội để tập thể lớp có được môi trường giao lưu và tăng thêm khả năng nắm bắt tình hình thực tế xã hội cho mỗi học sinh.

- Tổ chức học sinh trong lớp thăm hỏi, động viên các thầy, cô giáo giảng dạy tại lớp nhân các ngày lễ (ngày 8/3; ngày 2/9; ngày 20/11, Tết nguyên đán...) hoặc những thầy, cô giáo có hoàn cảnh khó khăn.

Trong một lớp học, lực học của các em không đồng đều, ý thức học của nhiều em chưa cao. Để thực hiện tốt cuộc vận động “Hai không” của ngành giáo dục tôi đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng trong trường qua các giờ dạy của giáo viên bộ môn, các tiết Sinh hoạt tập thể, Hoạt động ngoài giờ lên lớp.

5. Kết quả đạt được của sáng kiến kinh nghiệm

Nhờ áp dụng, kết hợp các biện pháp trên trong giảng dạy mà tôi đã thu được những kết quả ban đầu trong việc dạy học “Giải toán có lời văn” nói riêng và trong chất lượng môn Toán nói chung bởi vì “Giải toán có lời văn” là dạng toán giải khó của chương trình. Học sinh phải đặt lời giải trước phép tính và kết quả của bài toán. Nếu các em nắm chắc được cách giải toán ở lớp 3, chắc chắn sau này các em học lên các lớp trên sẽ có điều kiện tốt hơn ở dạng toán khó hơn.

Trong năm học trước, năm học 2021- 2022 có những em khi giải toán còn đặt câu lời giải như: “*Có tất cả bao nhiêu là:*” hoặc “*Hỏi số gà còn lại là:*”...

Những lỗi đó đến nay không còn nữa, học sinh lớp tôi không những biết cách đặt câu lời giải hay, viết phép tính đúng mà còn biết cách trình bày bài giải đúng, đẹp.

* Kết quả cuối học kỳ I

Đề toán: Một đội đồng diễn thể dục có 448 học sinh, trong đó $\frac{1}{4}$ số học sinh là học sinh nam. Hỏi đội đó có bao nhiêu học sinh nữ?

Sĩ số	Giải thành thạo	Giải chậm	Chưa nắm được cách giải
34 em	23 em = 67,6 %	7 em = 20,5 %	4 em = 11,8%

So sánh với khảo sát giải Toán đầu năm ta thấy học sinh giải thành thạo tăng 25,4 %; tỷ lệ giải chậm giảm 8,9 %; tỷ lệ học sinh chưa nắm được cách giải giảm 11,7%.

* Kết quả đến giữa học kỳ II

Một ô tô đi trong 5 giờ thì được 225 km. Hỏi ô tô đó đi trong 3 giờ được bao nhiêu ki - lô - mét?

Sĩ số	Giải thành thạo	Giải chậm	Chưa nắm được cách giải
34 em	27 em = 79,4 %	5 em = 14,7 %	2 em = 5,8 %

Ta thấy kết quả đến giữa học kỳ II tỷ lệ giải thành thạo tiếp tục tăng, tỷ lệ giải chậm và chưa nắm được cách giải đã giảm rõ rệt.

Có được kết quả như vậy một phần nhờ tinh thần học tập tích cực, tự giác của học sinh, sự quan tâm nhắc nhở của phụ huynh học sinh, bên cạnh đó là các biện pháp giáo dục đúng lúc, kịp thời của giáo viên.

Qua kết quả đã đạt được trên, tôi thấy số học sinh chưa nắm được cách giải tuy vẫn còn nhưng chỉ còn với tỉ lệ thấp, số học sinh giải thành thạo tăng. So với đầu năm học thì kết quả trên thật là một điều đáng mừng. Điều đó cho thấy những cố gắng trong đổi mới phương pháp dạy học của tôi đã có kết quả khả quan và đến cuối năm sẽ không còn học sinh chưa nắm được cách giải nữa.

Với kết quả này, chắc chắn khi các em học lên các lớp trên, các em sẽ vẫn tiếp tục phát huy hơn nữa với những bài toán có lời văn yêu cầu ở mức độ cao hơn.

6. Điều kiện để sáng kiến được nhân rộng

Để sáng kiến không chỉ là của riêng tôi mà được các bạn đồng nghiệp trao đổi góp ý, áp dụng trong giảng dạy, được nhân rộng cần có các điều kiện sau :

+ Về nhân lực:

Cần có sự quan tâm của các bạn đồng nghiệp nói chung và bạn đồng nghiệp trong tổ, khối chuyên môn nói riêng đến sáng kiến; sự quan tâm phối hợp của Ban giám hiệu nhà trường, của các bậc phụ huynh học sinh; đặc biệt sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo để sáng kiến được áp dụng rộng rãi hơn. Và nguồn nhân lực lớn quyết định đến thành công của sáng kiến là các em học sinh khối lớp 3 với sự chăm chỉ học, chịu khó tìm tòi mở mang kiến thức, tích cực trao đổi trong nhóm, lớp, trao đổi với thầy cô về phương pháp và kỹ năng học.

+ Về cơ sở vật chất:

Lớp học sạch sẽ, an toàn, có đầy đủ thiết bị, đồ dùng dạy học; học sinh có đủ sách giáo khoa và đồ dùng học tập.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua những vướng mắc thực tế, cùng với lòng say mê, nhiệt tình nghiên cứu và áp dụng thực tế vào lớp học do tôi chủ nhiệm đã giúp tôi hoàn thành ý tưởng của mình. Mỗi lần thực hiện, vận dụng vào thực tế lớp học tôi lại rút ra được một vài kinh nghiệm sau:

- Người giáo viên phải thực sự có lòng nhiệt tình, say mê với nghề nghiệp, với lương tâm trách nhiệm của người thầy.

- Trong quá trình giảng dạy phải luôn nắm bắt thực tế ở lớp mình dạy, để từ đó nghiên cứu tìm ra hướng giải quyết tốt nhất.

- Mỗi biện pháp giáo dục của giáo viên phải được thực hiện đúng thời điểm, đúng nội dung ở từng bài học.

- Không nên quá phụ thuộc vào sách giáo viên, vì sách giáo viên chỉ là tài liệu hướng dẫn, tham khảo không thể áp dụng đại trà với mọi đối tượng học sinh trong lớp được.

- Cần quan tâm, động viên, khuyến khích, giúp đỡ các em vượt qua mọi khó khăn để học tập tốt hơn.

- Trong quá trình hướng dẫn giải toán có lời văn (*ở lớp 3*) giáo viên cần lưu ý hơn nữa tới việc hướng dẫn cho các em cách đặt câu lời giải cho sát với yêu cầu của đề bài đặt ra. Vì việc thực hiện phép tính các em đều có thể nêu được ngay sau khi đọc xong đề toán.

- Để giúp học sinh có kỹ năng giải toán thành thạo, người giáo viên cần chú ý nhiều đến phát triển năng lực nghe, nói, đọc, viết trong môn Tiếng Việt. Rèn năng lực hỏi - đáp giúp các em có vốn từ ngữ lưu thông hơn, giúp các em dễ dàng đặt câu lời giải cho bài toán chính xác hơn.

- Phải cố gắng khắc phục các sai lầm của các em trong mỗi bài, mỗi phần, mỗi dạng toán, tránh để các sai lầm dồn lại sẽ khó giải quyết.

- Điều rất quan trọng nữa là sự mềm mỏng, kiên trì uốn nắn học sinh của giáo viên trong mọi lúc của giờ học.

- Trong từng tiết học, người giáo viên cũng cần tìm ra nhiều biện pháp, nhiều hình thức hoạt động học tập như: Làm việc chung với lớp, làm việc cá nhân, làm việc theo nhóm, tổ chức các trò chơi học tập và tập trung chú ý tới các đối tượng học sinh để giúp các em học tốt hơn.

- Người giáo viên cần phải luôn luôn có ý thức học hỏi và trau dồi kiến thức để đáp ứng với yêu cầu đổi mới của giáo dục, đặc biệt là ở bậc tiểu học. Muốn thế, người giáo viên phải dành nhiều thời gian để nghiên cứu, tự tìm tòi trong các tài liệu có liên quan, tham gia tích cực vào các lớp tập huấn, ứng dụng có hiệu quả tin học trong dạy học, thực hiện tốt công tác bồi dưỡng thường xuyên do ngành, trường tổ chức. Điều quan trọng nhất trong dạy học là lòng yêu nghề, mến trẻ..

- Nếu được thực hiện đồng bộ, đúng lúc, kịp thời các biện pháp trên, tôi tin rằng chất lượng môn toán nói chung và phần giải toán có lời văn nói riêng của các em lớp 3 sẽ có kết quả nhất định và là nền móng vững chắc để các em học tốt hơn ở các lớp sau.

- Với một vài kinh nghiệm này, tôi mong muốn được đóng góp một phần nhỏ vào việc nâng cao chất lượng dạy học theo chương trình GDPT 2018 nói chung và với dạng bài **“Giải toán có lời văn”** trong môn Toán 3 nói riêng.

Tóm lại: Để giúp học sinh giải toán có lời văn thành thạo, tôi luôn luôn chú ý rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho các học sinh trong các giờ học Tiếng Việt, bởi vì học sinh đọc thông, viết thạo là yếu tố *“đòn bẩy”* giúp học sinh hiểu rõ đề và tìm cách giải toán một cách thành thạo.

Tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, bổ sung của hội đồng khoa học, của các đồng nghiệp để tôi hoàn thiện mình hơn góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

2. Khuyến nghị

Để việc dạy và học đạt kết quả cao, tôi có một số khuyến nghị sau:

+ Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức các chuyên đề để giáo viên có điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn (nhất là phương pháp giải toán có lời văn), những phương pháp, kỹ thuật dạy học có hiệu quả ở các trường bạn.

+ Nhà trường: Ban Giám hiệu nhà trường cần phối hợp với các cấp chính quyền địa phương để làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục..

+ Đối với giáo viên: Không ngừng bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, luôn đổi mới phương pháp dạy học tích cực, có hiệu quả, sáng tạo và phù hợp với năng lực của mình. Thường xuyên tổ chức các cuộc họp phụ huynh học sinh theo định kỳ, để thông báo và trao đổi những yêu nhược điểm của học sinh để có các giải pháp giáo dục dạy học kịp thời.

+ Phụ huynh: Cần chăm lo, quan tâm đến các điều kiện học tập thiết yếu cho học sinh từ đó học sinh đi học chuyên cần, đầy đủ.

Trong quá trình nghiên cứu sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, tôi rất mong được sự góp ý, nhận xét đánh giá của Hội đồng khoa học, các đồng chí, đồng nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1, Tài liệu BDTX theo các môđun tự chọn TH 13, TH 14;
- 2, Sách Kết nối tri thức với cuộc sống Toán 3 – NXB giáo dục.
- 3, Sách giáo viên Toán 3 – NXB giáo dục.
- 4, Tạp chí Giáo dục tiểu học từ số 8 – 11/ 2015.